

Kết quả nghiên cứu bước đầu về hiện trạng thảm thực vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên Fù Huống, tỉnh Nghệ An

Cao Minh Hưng¹, Nguyễn Trung Thành^{2,*}

¹Chi Cục kiểm lâm Nghệ An, Tp Vinh, Nghệ An, Việt Nam

²Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 31 tháng 3 năm 2011

Tóm tắt. Thảm thực vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên Fù Huống, tỉnh Nghệ An có sự biến đổi rõ nét theo 2 đai độ cao: 1. kiểu rừng á nhiệt đới phân bố từ độ cao 900-1.600 m. Đặc trưng bởi sự có mặt của nhiều loài thuộc ngành Hạt trần (Gymnospermae): Pơ mu (*Fokienia hodginsii*), Thông tre lá dài (*Podocarpus neriifolius*), Kim giao (*Nageia fleuryi*; *N. wallichiana*), Thông lông gà (*Dacrycarpus imbricatus*), Sa mộc dầu (*Cunninghamia konishii*), Săm bông sọc rộng (*Amentotaxus yunnanensis*), Đinh tùng (*Cephalotaxus manii*) cùng với sự có mặt của một số họ thực vật ưa lạnh Á nhiệt đới như: họ Thích (Aceraceae), họ Hồi (Illiciaceae), họ Đỗ quyên (Ericaceae), họ Chè (Theaceae), họ Dẻ (Fagaceae); 2. kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới phân bố từ độ cao 200-900 m. Ở đây tính đa dạng thực vật cao, bởi sự tham gia của rất nhiều họ thực vật nhiệt đới lá rộng. Điển hình các họ giàu loài như: họ Dầu (Dipterocarpaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Thị (Ebenaceae), họ Bứa (Clusiaceae), họ Sim (Myrtaceae), họ Xoài (Anacardiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Dẻ (Fagaceae), họ Long não (Lauraceae). Tầng cây bụi và cây gỗ nhỏ là những loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Mua (Melastomataceae), họ Ô rô (Acanthaceae).

Từ khóa: Thảm thực vật, Khu bảo tồn thiên nhiên Fù Huống, Nghệ An.

1. Đặt vấn đề

Sự hình thành và phát triển của thảm thực vật chịu sự tác động của nhiều yếu tố trong đó các yếu tố thuộc về địa hình, ngoại mao, khí hậu, thổ nhưỡng, thủy văn đóng vai trò là nhân tố phát sinh thảm thực vật. Các yếu tố khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và chế độ gió lại có sự phân hóa theo vĩ độ và độ cao địa hình [1]. Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Fù Huống nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An cách thành

phố Vinh theo Quốc lộ 1A, đường 48 đi từ huyện Diễn Châu khoảng 60 km. Khu bảo tồn trải dài từ 19°05' đến 19°29' độ vĩ bắc và 104°43' đến 105°16' độ kinh đông, thuộc địa bàn các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tương Dương và Con Cuông. Khu BTTN nằm cách 30 km về phía Bắc của dải núi Bắc Trường Sơn, bị ngăn cách bởi thung lũng sông Cả, có địa hình đồi núi, dốc và hiểm trở. Độ cao trong vùng dao động trong khoảng từ 200 đến 1.447 m. Kiểu địa hình phổ biến là các ngọn núi chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, hình thành nên ranh giới giữa các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu và Quỳnh Hợp về phía Đông Bắc và các huyện

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-38582178.
E-mail: thanhntsh@gmail.com

Tương Dương, Con Cuông về phía Tây Nam. Điểm cao nhất trong khu bảo tồn là đỉnh Phu Lon (1.447 m) ở phần cuối phía Tây Bắc của dãy núi. Với địa hình phức tạp, hệ thực vật đa dạng và nhiều bí ẩn. Trong bài báo này chúng tôi cung cấp những kết quả nghiên cứu bước đầu về hiện trạng cấu trúc thảm thực vật tại Khu bảo tồn thiên nhiên Fù Huống, tỉnh Nghệ An làm cơ sở cho công tác quản lý, bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật và phát triển du lịch sinh thái nơi đây.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các kiểu thảm thực vật phân bố trong Khu bảo tồn thiên nhiên Fù Huống, tỉnh Nghệ An.

Việc nghiên cứu phân loại thảm thực vật tại Khu bảo tồn thiên nhiên Fù Huống được áp dụng theo quan điểm của Thái Văn Trùng [2] và căn cứ trên các điều kiện tự nhiên thực tế của khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu điều tra thực địa được áp dụng theo phương pháp [3] gồm các bước: xác định tuyến, điểm nghiên cứu, lập ô tiêu chuẩn, khảo sát chi tiết các quần xã chính, vẽ lát cắt phân tích và xây dựng bản mô tả cho từng ô. Các mẫu vật thu thập ở thực địa được xử lý, bảo quản, phân tích và định loại trong phòng thí nghiệm để phục vụ cho công tác nghiên cứu và lưu trữ. Các mẫu vật hiện được bảo quản tại Bảo tàng Thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN. Việc mô tả và hệ thống các kiểu thảm thực vật được dựa theo khung phân loại thảm thực vật của UNESCO (1973) đã được Phan Kế Lộc [4] áp dụng vào Việt Nam (1985). Xác định và phân loại thành phần loài thực vật bậc cao có mạch theo [5]. Thời gian nghiên cứu được tiến hành từ năm 2006-2009.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thảm thực vật nguyên sinh

3.1.1. Kiểu rừng á nhiệt đới núi thấp (900-1.600 m)

Kiểu rừng á nhiệt đới núi thấp phân bố từ độ cao 900 m đến 1.600 m. Đặc trưng nhất của kiểu rừng này là do sự có mặt của nhiều loài thuộc ngành Hạt trần (Gymnospermae) như Pơ mu (*Fokienia hodginsii*), Thông tre lá dài (*Podocarpus neriifolius*), Kim giao (*Nageia fleuryi*; *N. wallichiana*), Thông lông gà (*Dacrycarpus imbricatus*), Sa mộc dầu (*Cunninghamia konishii*), Săm bông sọc rộng (*Amentotaxus yunnanensis*), Đinh tùng (*Cephalotaxus manii*) cùng với sự có mặt của một số họ thực vật ưa lạnh Á nhiệt đới như: họ Thích (Aceraceae), họ Hồi (Illiciaceae), họ Đỗ quyên (Ericaceae), họ Chè (Theaceae), họ Dẻ (Fagaceae).



Hình 1. Kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới.

Kiểu phụ 1. Rừng lùn (1500-1600 m)

Kiểu phụ rừng lùn tại Khu BTTN Pù Huống không nhiều, thường ở các chòm núi, đỉnh đông. Có lẽ do yếu tố địa chất và địa lý quyết định, các đỉnh đông, chòm núi vừa chịu tác động mạnh của gió thường xuyên cộng với khí hậu lạnh, lớp đất mỏng nên thảm thực vật thường chỉ thấy 1 tầng cây gỗ không cao thường 8-10m, phân nhánh nhiều, tán tròn xòe,

đường kính thân nhỏ 10-15 cm, một gốc thường 3-4 thân. Thường gặp một số họ đặc trưng là Dẻ (Fagaceae), họ Long não (Lauraceae) có chi Quế (*Cinnamomum*), họ Sim (Myrtaceae) với chi Trâm (*Syzygium*), họ Côm (Eleocarpaceae), họ Hôi (Illiciaceae), họ Đỗ quyên (Ericaceae) có chi Đỗ quyên (*Rhododendron*).

3.1.2. Kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới (200-900 m)

Kiểu rừng này phân bố từ độ cao 200-900 m so với mặt biển. Đặc trưng của kiểu rừng này có nhiều cây gỗ cao to. Rừng có tầng tán phức tạp, thường có 5 tầng (1: Tầng vượt tán, 2: Tầng ưu thế sinh thái, 3: Tầng cây gỗ dưới tán, 4: Tầng cây bụi gỗ nhỏ, 5: Tầng thảm tươi).

Kiểu rừng này có tính đa dạng thực vật cao, bởi sự tham gia của rất nhiều họ thực vật nhiệt đới lá rộng. Có thể kể đến một số họ có số lượng cá thể nhiều: họ Dầu (Dipterocarpaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Thị (Ebenaceae), họ Bứa (Clusiaceae), họ Sim (Myrtaceae), họ Xoài (Anacardiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Dẻ (Fagaceae), họ Long não (Lauraceae). Tầng cây bụi và cây gỗ nhỏ là những loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Mua (Melastomataceae), họ Ô rô (Acanthaceae).

Dưới tán rừng này không thông thoáng, cây bụi dây leo đan bện rậm rì: Dây leo gỗ bao gồm chi Móng bò (*Bauhinia*) họ Đậu (Fabaceae), nhiều loài họ Na (Annonaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Củ nâu (Dioscoreaceae).

Tầng thảm tươi các đại diện của các họ Gừng (Zingiberaceae), họ Đay (Ulmaceae), họ Gai (Urticaceae) và họ Ráy (Araceae) và ngành Dương xỉ (Polypodiophyta).

Kiểu phụ 2. Rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới trên núi đá vôi

Sự khác biệt rất dễ nhận thấy là cùng nằm ở độ cao này nhưng trên núi đá vôi kiểu rừng này

thưa hơn, ít dây leo bụi rậm và có một số loài rất đặc trưng không gặp trong kiểu rừng núi đất đó là các loài: Trai lý (*Garcinia fagraeoides*) thuộc họ Bứa (Clusiaceae), Ô rô gai (*Streblus ilicifolius*), Mạy tèo (*Streblus macrophyllus*) thuộc họ Dâu tằm (Moraceae) và Vàng anh (*Saraca dives*) họ Đậu (Fabaceae).

3.2. Thảm thực vật thứ sinh

Thường ở độ cao dưới 800m phân bố gồm cả trên khu vực núi đá vôi và núi đất. Hoạt động khai thác gỗ, củi, làm nương rẫy đã làm biến đổi theo nhiều mức độ khác nhau. Nhiều diện tích rừng nguyên sinh chuyển thành rừng thứ sinh.

+ Kiểu phụ 3. Rừng thứ sinh sau khai thác

Vốn trước đây những diện tích này thuộc thảm thực vật thường xanh mưa mùa nhiệt đới trên núi đất hoặc núi đá vôi. Do bị khai thác đã làm biến đổi về cấu trúc:

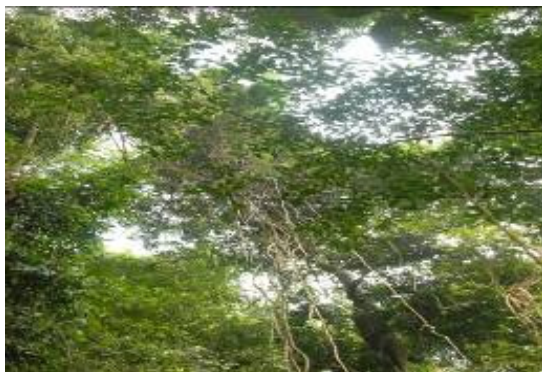
Tầng tán và tổ thành ở những khu vực này. Quá trình khai thác đã làm mất đi nhiều cây gỗ lớn, những loài có giá trị.

Tầng tán bị phá vỡ, tuy nhiên ở một số khu vực vẫn còn nhiều loài thuộc rừng nguyên sinh thuộc nhiều họ như: họ Dâu tằm (Moraceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Sim (Myrtaceae), họ Thị (Ebenaceae).

Sự khác biệt ở kiểu này là những loài tái sinh mọc nhanh như: Lá nần (*Macaranga denticulata*), Baбет (*Mallotus apelta*), Hu đay (*Trema orientalis*), Vạng trứng (*Endospermum chinensis*), Giang (*Ampelocalamus patellaris*), Nứa (*Schizostachyum aciculare*). Dây leo, dây leo gỗ phát triển mạnh như chi móng bò (*Bauhinia sp*) thuộc họ Đậu (Fabaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae). Tầng thảm tươi phát triển mạnh, rậm rạp, khác với kiểu rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới kể trên.

+ Kiểu phụ 4. Rừng thứ sinh sau nương rẫy

Những khu vực canh tác nương rẫy bỏ hoang từ 10 năm trở lên, một kiểu rừng thứ sinh hình thành.



Hình 2. Kiểu phụ rừng thứ sinh sau khai thác với cây gỗ nhỏ và dây leo.

Thành phần thực vật ở đây khác xa với các kiểu rừng nguyên sinh, phần lớn là những loài sinh trưởng từ hạt, cây thẳng chia nhánh ít, cùng tuổi, thường chỉ có 3 tầng, tầng cây bụi và thảm tươi thưa thớt, ít dây leo; ngoại tầng-tầng bì sinh (Dương xỉ, Phong lan) ít gặp. Thành phần thực vật đơn giản thường gặp là các đại diện của họ Dẻ (Fagaceae), họ Trám (Burceraceae) như: Lòng mang (*Endospermum* sp.), Ràng ràng (*Ormosia* sp.), Dung (*Symplocos* sp.), Long não (*Cinnamomum* sp.), Bời lời (*Litsea* sp.), Kháo (*Machilus* sp.), Trứng cá (*Lindera* sp.). Ở những điều kiện thích hợp có sự tái sinh đồng loạt của một số loài chiếm ưu thế đạt tới 60-70% số cá thể như: Lá nén (*Macaranga denticulata*), Baбет (*Mallotus apelta*), Nứa tép (*Schizostachyum aciculare*), Giang (*Ampelocalamus patellaris*), Hu đay (*Trema orientalis*), Khở qua (*Glochidion* sp.), Săng lẻ (*Lagestroemia calyculata*), Dương (*Broussonetia papyrifera*), Chuối rừng (*Musa* sp.) đã tạo nên những ưu hợp Lá nén, Baбет, Nứa, Giang, Hu đay, Dương, Săng lẻ, Chuối rừng, v.v.

+ Kiểu phụ 5. Rừng Giang, Nứa

Tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống nhiều khu vực sau canh tác nương rẫy, đất được bỏ hoang, do phát trắng, đốt canh tác nương rẫy trong nhiều năm đất bị thoái hoá ít nhiều, tác động của lửa rừng cộng với việc canh tác nương rẫy nhiều năm đã loại đi gần như toàn bộ cây gỗ rừng nguyên sinh. Các đại diện của họ Hoà thảo (Poaceae) phổ biến ở đây là Nứa, Giang, cây ưa sáng mọc nhanh chiếm lĩnh toàn bộ khoảng không gian này. Mặt khác đây là nhóm cây tái sinh có tuổi tồn tại dài và chồi măng phát triển hàng năm mở rộng diện tích nhanh, tạo nên những bụi cụm lớn, độ tàn che cao, chiếm đến 60-70%. Do vậy những loài cây gỗ rừng nguyên sinh tái sinh từ chồi hay từ hạt và những loài tiên phong ưa sáng mọc nhanh không phát triển được, đã tạo nên những kiểu phụ rừng thứ sinh Nứa, Giang đơn ưu. Rải rác có gặp những loài gỗ rừng thứ sinh mọc nhanh như Hu đay (*Trema orientalis*), Ngát lông (*Girroniera subaequalis*), Long não (*Cinnamomum* sp.), Kháo (*Machilus* sp.), Mán đĩa (*Archidendron clypearia*), Ràng ràng (*Ormosia* sp.), ít và thưa thớt. Dưới tán rừng Giang, Nứa vẫn có lớp thảm tươi song rất thưa thớt, một số loài cây bụi thuộc họ Mua (Melastomataceae), họ Gừng (Zingiberaceae), họ Ô rô (Acanthaceae), họ Gai (Urticaceae), họ Cà phê (Rubiaceae). Rất ít dây leo, có thể gặp một số loài họ Nho (Vitaceae), Bìm bìm (*Ipomoea* sp.) thuộc họ Khoai lang (Convolvulaceae).

+ Kiểu phụ 6. Trảng cây trồng nông nghiệp

Những khu vực thấp dưới 700m đất tốt (ít đá, độ dốc thấp) ở tất cả các khe, nhiều diện tích nằm trong Khu bảo tồn thiên nhiên vẫn đang tồn tại những khu vực nương rẫy. Đây là một thực tế chắc khó có thể chấm dứt ngay. Hiện trạng này thay đổi theo từng năm có thể có những diện tích mới khai thác còn kéo dài vài ba năm tới, cũng có những diện tích đã canh tác nhiều năm đất đã bạc màu có thể một hai năm

tới sẽ được bỏ hoang chúng sẽ chuyển thành rừng cây bụi cỏ tái sinh hay kiểu phụ Nứa, Giang, v.v. Trên những diện tích này có những cây trồng khác nhau phụ thuộc vào mùa vụ và theo mức độ thoái hoá của đất. Thông thường ở 1-2 năm đầu cây trồng là Lúa nương, sau đó là Ngô, Lạc, Đậu và cuối cùng là trồng Sắn, thường có thể 2-3 năm sau trồng Sắn đất sẽ bỏ hoang hoá.

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin cảm ơn Chi cục Kiểm lâm tỉnh Nghệ An, Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên

nhiên Fù Huồng đã tạo mọi điều kiện trong suốt thời gian đoàn nghiên cứu và thu thập mẫu vật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Chung, *Quản lý thực vật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005, 219 trang.
- [2] Thái Văn Trùng, *Các kiểu thảm thực vật rừng Việt Nam*, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Tp. Hồ Chí Minh, 1999.
- [3] Nguyễn Nghĩa Thìn, *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1997, 223 trang.
- [4] Phan Kế Lộc, *J. of Biology*, Vol. 7 (4) (1985) 1.
- [5] Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, tập I, II, III, Montreal, (1991-1993).

Preliminary research results on vegetation status in Fu Huong nature reserve area, Nghe An province

Cao Minh Hưng¹, Nguyen Trung Thanh²

¹Department of Forest Nghe An, Vinh City, Nghe An province, Vietnam

²Faculty of Biology, Hanoi University of Science, VNU, 334 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam

In this report, we would like to give some preliminary results on the changes of vegetation structures in Fu Huong nature reserve area, Nghe An province which had studied from 2006-2009. Vegetation type clearly show with 2 elevation belts. 1). Subtropical forest includes 900-1600m elevation with species of Gymnospermae as *Fokienia hodginsii*, *Podocarpus neriifolius*, *Nageia fleuryi*; *N. wallichiana*, *Dacrycarpus imbricatus*, *Cunninghamia konishii*, *Amentotaxus yunnanensis*, *Cephalotaxus manii*. In addition, the distribution families as Aceraceae, Illiciaceae, Ericaceae, Theaceae, Fagaceae; 2). Temperate humid closed evergreen forest type with 200-900 m altitude that presents of families as Dipterocarpaceae, Moraceae, Meliaceae, Ebenaceae, Clusiaceae, Myrtaceae, Anacardiaceae, Fabaceae, Fagaceae, Lauraceae. Other while, the species of medium-tree as follow: Rubiaceae, Euphorbiaceae, Melastomataceae, Acanthaceae.

Keywords: vegetation, Fu Huong nature reserve area, Nghe An.